

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**HỢP ĐỒNG TỔNG THẦU EPC
(THIẾT KẾ - CUNG CẤP - THI CÔNG)**

Số: /2026/EPC/VIWASEEN-VCG

Tên gói thầu: GT01: Tư vấn thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình.
Dự án: Tòa nhà văn phòng Tổng công ty VIWASEEN
Địa điểm Xây dựng: 52 Quốc Tử Giám, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP Hà Nội

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM – CTCP (VIWASEEN)

Và

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

Điều 1.	Thuật ngữ và diễn giải	4
Điều 2.	Phạm vi công việc	6
Điều 3.	Hình thức hợp đồng và giá hợp đồng	6
Điều 4.	Các yêu cầu đối với công tác thiết kế công trình.	7
Điều 5.	Trách nhiệm và quyền hạn của các bên	10
Điều 6.	Nhân công lao động và nhân sự của Bên B	14
Điều 7.	Đại diện Bên A tại công trường	14
Điều 8.	Khởi công, thời gian hoàn thành	15
Điều 9.	Nghiệm thu và bàn giao hạng mục công trình/công trình.....	16
Điều 10.	Thiết bị, vật tư	16
Điều 11.	Điều kiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán	17
Điều 12.	Trách nhiệm đối với sai sót	18
Điều 13.	Bồi thường	19
Điều 14.	Phạt vi phạm hợp đồng	19
Điều 15.	Giám sát kỹ thuật và kiểm tra	21
Điều 16.	Bảo hành	21
Điều 17.	Bảo hiểm.....	22
Điều 18.	Bất khả kháng	24
Điều 19.	Báo cáo và hội họp	25
Điều 20.	An toàn lao động, vệ sinh môi trường, điện nước và an ninh công trường..	25
Điều 21.	Yêu cầu phát sinh và điều chỉnh giá hợp đồng	27
Điều 22.	Chấm dứt hợp đồng	27
Điều 23.	Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh	28
Điều 24.	Hiệu lực và giá trị pháp lý.....	28
Điều 25.	Tài liệu của hợp đồng	28
Điều 26.	Điều khoản chung.....	29

Số tài khoản: 500000213 – Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Đông
Mã số thuế 0100105616
Đại diện **Nguyễn Khắc Hải** Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
(Giấy ủy quyền số 965/2026/UQ-XD ký ngày 10/04/2026)

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng Tổng thầu EPC (Thiết kế - Cung cấp – Thi công) cho Dự án Tòa nhà VP Tổng công ty VIWASEEN tại 52 Quốc Tử Giám, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP Hà Nội, với các nội dung sau:

Điều 1. Thuật ngữ và diễn giải

Thuật ngữ	Diễn giải
Chủ đầu tư/Bên A/Bên giao thầu	Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam – CTCP (Viwaseen)
Nhà thầu/Bên B/Bên nhận thầu	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Dự án	Tòa nhà văn phòng Tổng công ty VIWASEEN
Công trình	Tòa nhà văn phòng Tổng công ty VIWASEEN
Hợp đồng	là hợp đồng Tổng thầu gói thầu GT01: Tư vấn thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình
Bên/Hai bên/Các bên	là Chủ đầu tư/Nhà thầu
Ngày	là ngày lịch tính theo dương lịch.
Giá trị hợp đồng	là giá trị do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.
Công việc	là toàn bộ các công việc được đề cập trong hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng.
Công trường	là nơi hoặc các nơi mà ở đó công việc hoặc một phần công việc được thực hiện và bất cứ nơi nào khác được quy định trong hợp đồng như là một phần của công trường.
Công trình tạm	là tất cả các công trình tạm thời thuộc bất kỳ loại nào cần thiết phải có trên công trường để thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào.
Người có thẩm quyền	là người đứng đầu hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.
Biên bản bàn giao công trình/hạng mục công trình	là biên bản do các bên ký kết xác nhận việc hoàn tất công việc của công trình/hạng mục công trình theo quy định của hợp đồng.
Thời gian bảo hành công trình/hạng mục công trình	là thời gian tính từ ngày bàn giao công trình/hạng mục công trình đưa vào sử dụng cho đến khi hết thời hạn bảo hành.
Biên bản xác nhận hết nghĩa vụ bảo	là văn bản ký giữa Bên A và Bên B xác nhận Bên B kết thúc thời hạn bảo hành công trình/hạng mục công trình.

Thuật ngữ	Diễn giải
hành	
Tài liệu	Tuỳ vào ngữ cảnh sẽ là: bản vẽ, tính toán, quy trình, thuyết minh kỹ thuật, thuyết minh dự toán, tài liệu đặt hàng, biên bản, báo cáo kết quả thí nghiệm, mẫu thí nghiệm, mô hình, đĩa máy tính, files số liệu, sổ tay vận hành và bảo dưỡng, thư từ, văn bản do Bên B trình Bên A và các thông số đầu vào, hồ sơ tài liệu, các biên bản, thư từ, văn bản do Bên A cung cấp cho Bên B.
Thiết bị, vật tư	là trang thiết bị, vật tư, vật tư tiêu hao, các kết cấu chế tạo, phụ kiện và các vật dụng tương tự khác mới hoàn toàn theo điều kiện của hợp đồng và được Bên B lắp đặt cố định để hình thành nên công trình.
Thiết bị phục vụ thi công	là các thiết bị máy móc, phương tiện để phục vụ thi công và hoàn thành công trình.
Thông báo tạm dừng	là văn bản do Bên A hoặc Bên B phát hành gửi bên còn lại để ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của hợp đồng.
Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc xây dựng, bộ phận hoặc giai đoạn xây dựng, hạng mục và hoàn thành công trình xây dựng	là biên bản do các bên ký kết liên quan đến việc hoàn thành các công việc xây dựng, bộ phận hoặc giai đoạn xây dựng, hạng mục và hoàn thành công trình xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.
Nhà thầu phụ	là nhà thầu trực tiếp ký kết hợp đồng với Bên B để thực hiện một phần công việc của Bên B trong hợp đồng này.
Hợp đồng thầu phụ	là các hợp đồng được ký kết giữa Bên B và Nhà thầu phụ.
Yêu cầu phát sinh	là văn bản do Bên A phát hành gửi Bên B để thực hiện phần khối lượng phát sinh ngoài nội dung công việc do những nguyên nhân không thuộc về Bên B đã được Người có thẩm quyền chấp thuận.
Đơn vị bảo hiểm	là một công ty bảo hiểm hoạt động ở Việt Nam được Bên A chấp thuận.
Giám sát của Bên A	là giám sát được Bên A chỉ định.
Hồ sơ hoàn thành công trình	là tất cả các hồ sơ phản ánh tình trạng thực tế phần việc xây lắp của công trình trong phạm vi do Bên B hoặc/và Nhà thầu phụ chuẩn bị và được Bên A phê duyệt.
Thời gian hoàn thành công trình	là thời hạn được quy định tại hợp đồng / Phụ lục hợp đồng và Bên B phải hoàn tất công trình trong khoảng thời gian này.
Bất khả kháng	được định nghĩa tại hợp đồng
Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng	là biên bản các bên ký khi công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Thuật ngữ	Diễn giải
Biên bản nghiệm thu công trình	là biên bản nghiệm thu công trình đã được đại diện Bên A, Bên B và các bên khác có liên quan ký theo quy định hiện hành của pháp luật.
Biên bản kiểm tra vật tư, thiết bị	là biên bản được đại diện Bên A tại công trường và Bên B ký xác nhận thiết bị, vật tư chuyển về công trường theo sơ đồ và quy trình quản lý chất lượng được hai bên thống nhất.
Bên thứ ba	là bất cứ cá nhân hay tổ chức, công ty, tập thể không phải Bên A, chủ đầu tư, tư vấn của Bên A, Bên B và các Nhà thầu phụ của Bên B.
Người được bảo hiểm	là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.
Chân công trình	là tại kho bãi tại công trường thuộc phạm vi quản lý của Bên B.

Điều 2. Phạm vi công việc

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện gói thầu GT01: "Tư vấn thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình" tại số 52 Quốc Tử Giám, Hà Nội, bao gồm:

2.1. Phần Thiết kế :

- Thiết kế Bản vẽ thi công dựa trên Thiết kế cơ sở được duyệt;
- Trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu điều chỉnh về Quy mô, công năng công trình thì hai bên sẽ ký Phụ lục hợp đồng bổ sung phạm vi thiết kế bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
 - + Thiết kế ý tưởng và Hồ sơ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch/ Tổng mặt bằng và Phương án Kiến trúc;
 - + Thiết kế điều chỉnh từ ý tưởng đến Bản vẽ thi công Công Trình (Kiến trúc, kết cấu, MEP, PCCC khối văn phòng) bao gồm:
 - Thiết kế ý tưởng điều chỉnh;
 - Thiết kế điều chỉnh tổng thể quy hoạch Tổng mặt bằng và Phương án Kiến trúc;
 - Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo Phương án điều chỉnh;
 - Lập Bản vẽ thi công theo Phương án điều chỉnh;
 - Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;
 - Giám sát tác giả theo quy định;
 - + Thực hiện và phối hợp với Chủ đầu tư các công việc liên quan đến thẩm tra, trình thẩm duyệt, thẩm định, cấp phép theo quy định hiện hành.

2.2. Phần thi công xây dựng & cung cấp thiết bị:

- Mua sắm toàn bộ vật tư, thiết bị công trình (Xây dựng, Cơ điện MEP, thang máy, điều hòa, PCCC...) theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Bên A phê duyệt;
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị toàn bộ các hạng mục kết cấu, kiến trúc, hoàn thiện theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Bên A phê duyệt;
- Lập hồ sơ hoàn công, thỏa thuận đấu nối, thí nghiệm, chạy thử, nghiệm thu (thí nghiệm điện lực, chạy thử máy phát điện, nghiệm thu chạy thử hệ thống cơ điện, nghiệm thu đóng điện);
- Nghiệm thu PCCC với Cơ quan quản lý nhà nước;
- Nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng với cơ quan quản lý Nhà nước;
- Thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định của Hợp đồng.

2.3. Phân bổ hiểm cho công trình:

- Bên B có trách nhiệm mua các loại bảo hiểm bắt buộc cho toàn bộ công trình theo các quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các loại bảo hiểm sau:
 - + Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng lắp đặt ((quyền thụ hưởng là TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM – CTCP (VIWASEEN)));
 - + Các loại bảo hiểm bắt buộc khác thuộc phạm vi của nhà thầu (bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường,.....).

Điều 3. Hình thức hợp đồng và giá hợp đồng

3.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng tổng thầu EPC

3.2. Hình thức hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh, khối lượng thanh toán theo thực tế nghiệm thu.

3.3. Nguyên tắc điều chỉnh giá hợp đồng: Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Thay đổi thiết kế, quy mô, công năng, phạm vi công việc hoặc biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A;
- Thay đổi điều kiện thi công thực tế, tiến độ thực hiện hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ;
- Biến động giá vật tư, vật liệu, nhân công, ca máy theo quy định của Nhà nước hoặc theo công bố giá tại địa phương hoặc theo thỏa thuận giữa bên A và bên B;
- Các trường hợp bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản, thay đổi chính sách pháp luật hoặc các nguyên nhân không phải do lỗi bên B.
- Việc điều chỉnh giá bao gồm các chi phí trực tiếp, gián tiếp, chi phí huy động, chi phí kéo dài thời gian thực hiện và lợi nhuận hợp lý của Bên B tương ứng với phạm vi ảnh hưởng thực tế.

3.4. Giá hợp đồng : **131.788.400.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi mốt tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Giá trị hợp đồng bao gồm chi phí Thiết kế, Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị, chưa bao gồm giá trị Bảo hiểm xây dựng công trình tại Điều 2, mục 2.3 của hợp đồng. Giá trị hợp đồng được tạm tính theo giá trị gói thầu GT01 được phê duyệt tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT ngày 05/05/2026. Giá trị của Hợp đồng chính thức sẽ được hai bên thương thảo, đàm phán và ký Phụ lục hợp đồng sau khi Thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền của bên A phê duyệt;

Giá hợp đồng bao gồm thuế VAT (10%), toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng. Giá trị thuế xuất hóa đơn sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm xuất.

Giá Hợp đồng chính thức được xác lập trên cơ sở:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;
- Biện pháp thi công do bên B đề xuất;
- Điều kiện thi công thực tế;
- Tiến độ yêu cầu của Bên A;
- Mặt bằng giá vật tư tại thời điểm lập dự toán.

Các chi phí huy động nhân lực, thiết bị, biện pháp thi công, tổ chức công trường phù hợp với tiến độ yêu cầu của Bên A được coi là chi phí hợp lệ cấu thành giá hợp đồng

Điều 4. Các yêu cầu đối với công tác thiết kế công trình.

4.1. Các yêu cầu chung:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về thiết kế bản vẽ thi công của công trình và về tính chính xác của

các công việc này.

Trong quá trình thiết kế bản vẽ thi công mà Nhà thầu phát hiện bất kỳ sai sót hay khác biệt nào giữa các yêu cầu của Chủ đầu tư thì Nhà thầu sẽ thông báo ngay cho Chủ đầu tư trước khi tiến hành thiết kế bản vẽ thi công và đề nghị Chủ đầu tư làm rõ (nếu cần).

Vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ đầu tư phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế do Nhà thầu thực hiện, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Nhà thầu tiến hành chỉnh sửa các sai sót cho phù hợp với các yêu cầu của Chủ đầu tư.

Tuy nhiên, Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung sau đây mà Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư cung cấp cho Nhà thầu :

- a/ Các tài liệu, số liệu và các thông tin được ghi trong hợp đồng được xem như là không được thay đổi hoặc do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm;
- b/ Mục đích sử dụng của công trình hoặc phần công trình nào đó do Chủ đầu tư đưa ra;
- c/ Nhà thầu phải đảm bảo việc thiết kế chi tiết và các tài liệu của Nhà thầu phải theo đúng với:
 - Các tiêu chuẩn kỹ thuật được ban hành.
 - Hồ sơ hợp đồng, bao gồm cả những sửa đổi bổ sung cần thiết theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định đối với phần công việc thiết kế.

4.2. Quy chuẩn và tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế:

Công tác thiết kế bản vẽ thi công của Nhà thầu phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn dự án, chỉ dẫn kỹ thuật và Hợp đồng.

4.3. Nghiệm thu và bàn giao sản phẩm Tư vấn

4.3.1. Nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn:

- a) Căn cứ nghiệm thu;
 - Hợp đồng ký kết giữa hai bên;
 - Nhiệm vụ, đề cương khảo sát, thiết kế được Bên A phê duyệt;
 - Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, quy định Pháp Luật được áp dụng;
 - Sản Phẩm Tư Vấn của Bên B;
 - Văn bản thẩm tra (nếu có); thẩm định hồ sơ (nếu có) của Cơ Quan Có Thẩm Quyền hoặc văn bản phê duyệt hồ sơ của Bên A;
 - Các tài liệu khác trong quá trình thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A (nếu có)
- b) Thành phần nghiệm thu:
 - Đại Diện Bên A;
 - Đại Diện Bên B;
 - Đại diện Bên Thứ Ba theo yêu cầu của Bên A và/hoặc theo quy định của pháp luật (nếu có).
- c) Nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn:
 - Sau khi mỗi công việc được hoàn thành, Bên B gửi cho Bên A Sản Phẩm Tư Vấn đã chỉnh sửa theo ý kiến của Bên A. Bên A xem xét, kiểm tra và thông báo cho Bên B về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đề nghị nghiệm thu của Bên B. Sau thời hạn trên mà Bên A không có phản hồi, Bên B sẽ phát công văn nhắc lại về việc đề nghị nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn, sau 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên B gửi công văn mà Bên A không có thông báo thì được hiểu là Bên A đã chấp thuận đề nghị của Bên B.
 - Trường hợp nếu không chấp thuận Sản Phẩm Tư Vấn của Bên B, Bên A sẽ trả lời bằng

văn bản và Bên B có nghĩa vụ hoàn thiện Sản Phẩm Tư Vấn theo các đề xuất của Bên A (bao gồm cả thời gian hoàn thiện Sản Phẩm Tư Vấn ghi rõ trong văn bản trả lời).

- Trường hợp Sản Phẩm Tư Vấn đủ điều kiện để nghiệm thu, Hai Bên sẽ tiến hành lập Biên bản nghiệm thu, bàn giao Sản Phẩm Tư Vấn ("**Biên Bản Nghiệm Thu Bàn Giao Sản Phẩm**"). Bên B phải bàn giao toàn bộ Sản Phẩm Tư Vấn từ Công Việc của Hợp đồng này cho Bên A.
- Trường hợp Sản Phẩm Tư Vấn đã được nghiệm thu mà Bên A phát hiện ra các sai sót thì Bên B có trách nhiệm chỉnh sửa đến khi đáp ứng yêu cầu Bên A.
- d) Nội dung Biên Bản Nghiệm Thu Bàn Giao Sản Phẩm gồm: Đối tượng nghiệm thu; thành phần trực tiếp nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu; kết luận nghiệm thu (đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu); phương án sửa chữa, khắc phục; chữ ký, họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật và đóng dấu pháp nhân của các thành phần trực tiếp nghiệm thu.
- e) Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót:
 - Trong trường hợp Sản Phẩm Tư Vấn chưa đủ điều kiện để nghiệm thu:
Bằng kinh phí của mình Bên B phải hoàn thành Sản Phẩm Tư Vấn trong thời gian theo yêu cầu của Bên A và/hoặc theo quy định của Phụ Lục này và/hoặc theo quy định của Pháp Luật.
 - Trường hợp không sửa chữa được sai sót, tồn đọng:
Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót trong khoảng thời gian quy định tại Điểm (i) Khoản này, Bên A có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót và thông báo cho Bên B biết về ngày này.
Nếu hết thời hạn gia hạn như quy định tại Điều này, Bên B vẫn không sửa chữa/khắc phục được các sai sót này, Bên A có thể tự tiến hành Công Việc và/hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện. Trường hợp này Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan và thanh toán/khấu trừ theo yêu cầu của Bên A. Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về Sản Phẩm Tư Vấn sửa chữa do Bên A tự thực hiện và/hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện.
 - Bên B không chịu trách nhiệm với các sai lệch khảo sát địa chất; dữ liệu đầu vào không chính xác; thay đổi yêu cầu của cơ quan quản lý; thay đổi quy chuẩn, tiêu chuẩn sau ngày ký hợp đồng và các yêu cầu thay đổi từ Bên A.
 - Tổng trách nhiệm tối đa của Bên B phát sinh từ Hợp đồng không vượt quá 100% giá trị hợp đồng, ngoại trừ hành vi gian lận hoặc cố ý vi phạm.

4.3.2. Nghiệm thu hoàn thành Công Việc:

Sau khi Bên B hoàn thành công việc theo từng giai đoạn hoặc toàn bộ Công Việc theo quy định Hợp đồng này trong công tác thiết kế theo yêu cầu của Bên A (bao gồm cả việc chỉnh sửa các sai sót (nếu có) đối với Sản Phẩm Tư Vấn), Bên A sẽ nghiệm thu, xác nhận bằng văn bản cho Bên B về việc hoàn thành công việc theo giai đoạn hoặc hoàn thành toàn bộ Công Việc theo Hợp đồng ("**Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc**").

4.4. Giám sát tác giả

Bên B phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả để trả lời các câu hỏi hoặc chỉnh sửa và làm rõ hồ sơ thiết kế khi nhận được yêu cầu của Bên A theo quy định Pháp Luật kể từ ngày Bên A bắt đầu thi công công trình đến khi công trình được Bên A nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng, cụ thể như sau:

- 4.4.1. Bên B có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình, Sản Phẩm Tư Vấn khi có yêu cầu của Bên A, Nhà thầu thi công của Bên A, Nhà Tư Vấn Giám sát và các bên

khác có liên quan và/hoặc Cơ Quan Có Thẩm Quyền để quản lý và thi công Công Trình theo đúng thiết kế.

- 4.4.2. Phối hợp với Bên A khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công xây dựng; điều chỉnh, bổ sung thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình, xử lý những bất hợp lý trong thiết kế theo yêu cầu của Bên A hoặc chưa phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng.
- 4.4.3. Thông báo kịp thời cho Bên A và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai khác với thiết kế được Bên A phê duyệt của Nhà thầu thi công xây dựng.
- 4.4.4. Bên B có trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình cùng Bên A, ký các văn bản, hồ sơ nghiệm thu hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Bên A. Trường hợp phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì Bên B phải thông báo, kiến nghị bằng văn bản đến Bên A nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.
- 4.4.5. Nếu Bên A và/hoặc nhà thầu thi công của Bên A và/hoặc bất kỳ Bên Thứ Ba nào liên quan phát hiện thiết kế, Sản Phẩm Tư Vấn không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tại thời điểm phê duyệt thiết kế và có những sai sót không thể thi công được, phải điều chỉnh lại so với thiết kế ban đầu, Bên B có trách nhiệm phối hợp với các nhà thầu thi công của Bên A, đơn vị tư vấn khác và Bên A để điều chỉnh thiết kế cho phù hợp. Trong trường hợp này, Bên B cam kết sẽ sửa đổi, điều chỉnh lại thiết kế theo yêu cầu của Bên A và Bên B chịu toàn bộ chi phí điều chỉnh thiết kế. Thời gian điều chỉnh thiết kế do Bên A ấn định. Nếu Bên B không kịp thời thực hiện điều chỉnh thiết kế hoặc đã cố gắng mà không thể hoàn thành việc điều chỉnh thiết kế đúng thời hạn do Bên A yêu cầu, Bên A có thể tự thực hiện và/hoặc thuê Bên Thứ Ba để thực hiện công việc điều chỉnh thiết kế này. Chi phí để sửa chữa những sai sót này sẽ được trừ trực tiếp vào tiền giám sát tác giả của Bên B.
- 4.4.6. Nếu Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ về giám sát tác giả theo quy định tại Phụ Lục 01 và Pháp Luật thì Bên B phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Phụ Lục này.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

5.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

5.1.1. Trách nhiệm của Bên B:

- 5.1.1.1. Bên B cam kết có đủ năng lực, điều kiện, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền và có đủ chấp thuận/phê duyệt nội bộ cần thiết theo quy định nội bộ của Bên B để ký kết và thực hiện hợp đồng;
- 5.1.1.2. Bên B phải thiết kế- cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình theo Hợp đồng và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào do lỗi của Nhà thầu trong công trình. Khi đã hoàn thành, công trình phải đúng theo mục đích sử dụng như xác định trong Hợp đồng.
- 5.1.1.3. Danh sách cán bộ chủ chốt (cán bộ chỉ huy công trường, chủ nhiệm kỹ thuật thi công, đội trưởng thi công, giám sát kỹ thuật, chất lượng...) và công nhân thi công trên Công trường phải được đăng ký với Bên A, phải có đủ trình độ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với vị trí đảm nhiệm. Đồng thời, những nhân sự chủ chốt được Bên B huy động và đăng ký để thực hiện Hợp Đồng này phải là nhân sự thuộc biên chế của Bên B, có ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- 5.1.1.4. Máy móc, thiết bị, vật tư đưa vào thi công trong công trình phải phù hợp yêu cầu của công tác xây lắp và phải được kiểm định chất lượng, tự bảo quản và xếp đặt đúng nơi quy định.
- 5.1.1.5. Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động, lập và trình Bên A phê duyệt kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trước khi thi công; mua, duy trì hiệu lực và giải quyết các đơn bảo

- hiểm. Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Toàn bộ công nhân thi công trên công trường phải mặc đồng phục.
- 5.1.1.6. Đảm bảo vệ sinh công trường và môi trường xung quanh (cả trong và xung quanh công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác do hoạt động của Bên B gây ra.
- 5.1.1.7. Công tác dọn vệ sinh sạch sẽ khu vực thi công (bao gồm các khu vực, vị trí bị che khuất) sau khi hoàn tất Công Việc phải được Bên B hoàn thành trước khi Các Bên tiến hành nghiệm thu bàn giao.
- 5.1.1.8. Thanh toán đầy đủ tiền điện, nước thi công và các tiện ích khác do Bên A cung cấp để Bên B thi công theo thông báo của Bên A. Nếu Bên A không thể cung cấp các dịch vụ này thì Bên B phải tự thu xếp nguồn cấp. Bên B phải tự chịu rủi ro và dùng chi phí của mình để sử dụng những dịch vụ này.
- 5.1.1.9. Mở nhật ký công trình và phải ghi chép đầy đủ nội dung theo quy định. Trừ khi Hợp Đồng có quy định khác, Bên B phải chuẩn bị các báo cáo tiến độ thực hiện hàng tuần và nộp cho giám sát Bên A. Báo cáo đầu tiên phải tính từ ngày khởi công đến ngày cuối cùng của tuần đầu.
- 5.1.1.10. Mỗi báo cáo phải có:
- Sơ đồ và miêu tả chi tiết tiến độ, bao gồm từng giai đoạn thiết kế, tài liệu của Bên B, mua sắm thiết bị, gia công, vận chuyển tới công trình, thi công, lắp dựng, kiểm tra và vận hành thử;
 - Ảnh mô tả tình trạng gia công chế tạo và tiến độ trên công trường;
 - Đối với việc gia công chế tạo hạng mục chính của thiết bị và vật tư, tên của nơi sản xuất, tiến độ phần trăm và ngày thực sự hoặc dự kiến:
 - Bắt đầu gia công chế tạo;
 - Kiểm định của Bên B;
 - Kiểm định;
 - Vận chuyển và tới công trường.
 - Bản sao tài liệu đảm bảo chất lượng, kết quả thử và chứng chỉ của vật liệu;
 - Danh mục các thay đổi, thông báo mà Bên A đưa ra theo Hợp Đồng này;
 - Số liệu thống kê về an toàn, bao gồm chi tiết của các hoạt động và các trường hợp nguy hại liên quan đến yếu tố môi trường và quan hệ công cộng;
- 5.1.1.11. Thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản khi có những phát sinh trong quá trình thi công do bản vẽ thay đổi hoặc do điều kiện địa chất hoặc môi trường xung quanh làm ảnh hưởng tới công việc thi công, phối hợp với Bên A kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh.
- 5.1.1.12. Thông báo và yêu cầu Bên A lập biên bản ghi nhận các sai sót, lỗi hoặc thiếu sót, hoặc không rõ ràng, không nhất quán hay không phù hợp trong các yêu cầu của Bên A về mặt kỹ thuật, thiết kế, ... hoặc mâu thuẫn trong tài liệu Hợp Đồng, hoặc chậm trễ bàn giao mặt bằng dẫn đến tiến độ thi công của Bên B theo Hợp Đồng bị chậm hoặc có nguy cơ bị chậm để Các Bên cùng xác định nguyên nhân và/hoặc đề xuất điều chỉnh tiến độ phù hợp.
- 5.1.1.13. Lập bản vẽ và biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động, tiến độ chi tiết trình Bên A phê duyệt. Tuân thủ các biện pháp này và các quyết định trong suốt quá trình thi công.
- 5.1.1.14. Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn hồ sơ nghiệm thu hoàn công công trình theo đúng quy

định hiện hành của nhà nước. Tiến hành lấy mẫu và thực hiện các thủ tục thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế.

- 5.1.1.15. Trình Bên A kết quả thí nghiệm các vật liệu, vật tư, thiết bị nhập về Công trường, việc thí nghiệm và kết quả thí nghiệm phải được thực hiện tại Phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành quy định tại Hợp Đồng này.
- 5.1.1.16. Đưa ra khỏi công trình các cán bộ, nhân viên của Bên B khi có ý kiến bằng văn bản của Bên A về việc các cán bộ, nhân viên đó không đủ năng lực, hoặc vi phạm quy trình kỹ thuật thi công, tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng Quy định, Nội quy của Bên A, hoặc không hợp tác trong quá trình kiểm soát của Bên A.
- 5.1.1.17. Đối với những vật tư do Bên A cấp (nếu có), Bên B có trách nhiệm:
- Lập báo cáo cân đối vật tư: nhập, dùng, tồn kho và khối lượng vật tư sử dụng trên khối lượng hoàn thành trình Bên A vào ngày thứ 7 hàng tuần.
 - Thu dọn vật tư dùng dở về kho sau ca kíp làm việc; bảo quản vật tư và chịu trách nhiệm nếu để vật tư bị mất mát, hư hỏng.
- 5.1.1.18. Đảm bảo việc sử dụng vật tư do Bên A cấp (nếu có) đúng mục đích của Hợp Đồng.
- 5.1.1.19. Bên B phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời mà Bên B cần có, bao gồm lối vào công trường. Bên B tự mình và bằng rủi ro và chi phí của mình, cũng phải có các cơ sở vật chất khác bên ngoài công trình mà Bên B có thể cần vì mục đích của công trình.
- 5.1.1.20. Bên B phải nỗ lực hợp lý để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng đi lại của Bên B hoặc người của Bên B gây ra, phải sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.
- 5.1.1.21. Bên B phải thông báo cho Giám sát bên A không muộn hơn 10 ngày trước ngày mà mọi thiết bị hoặc hạng mục hàng hóa chính khác được vận chuyển tới công trường. Bên B phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, tiếp nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hóa và các vật dụng khác cần thiết cho công trình. Bên B phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả chi phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển hàng hóa và phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu đòi đền bù phát sinh từ việc vận tải của Bên B.
- 5.1.1.22. Thực hiện đúng đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B theo quy định của Hợp Đồng. Bất cứ văn bản phê duyệt nào của Bên A đều không làm giảm bớt trách nhiệm pháp lý hay các nghĩa vụ của Bên B đối với các sai sót kỹ thuật do lỗi chủ quan của Bên B gây ra. Tuy nhiên, Bên B sẽ được miễn trừ trách nhiệm nếu các sai sót hoặc thiệt hại phát sinh trực tiếp từ các thông số kỹ thuật đầu vào không chính xác do Bên A cung cấp hoặc do Bên B thực hiện bắt buộc theo chỉ thị bằng văn bản của Bên A.
- 5.1.1.23. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng này và theo thỏa thuận của các Bên từng thời điểm.
- 5.1.1.24. Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị, những tài sản khác của mình, các loại công trình tạm ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao.
- 5.1.1.25. Dọn dẹp và hoàn trả mặt bằng thi công trước khi tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình.
- 5.1.2. **Quyền hạn của Bên B:**

- Đề xuất bổ sung với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện những công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất, chưa đủ điều kiện thi công và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A;
- Chủ động lựa chọn Nhà thầu phụ theo yêu cầu của việc thi công công trình; bổ sung hoặc thay thế các Nhà thầu phụ (nếu cần) để đảm bảo chất lượng, giá cả và tiến độ thực hiện công việc của hợp đồng.
- Được quyết định việc dừng, đình chỉ hoặc huỷ bỏ việc thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo thoả thuận giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng khi xảy ra các trường hợp được quy định tại hợp đồng này.

5.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

5.2.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Đảm bảo tính pháp lý của dự án;
- Bàn giao mặt bằng xây dựng cho Bên B, cung cấp hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, Tiêu chuẩn kỹ thuật dự án, báo cáo khảo sát và các tài liệu kỹ thuật cần thiết liên quan khác (1 bộ bản gốc) được phê duyệt phù hợp với tiến độ thi công của công trình;
- Giám sát quá trình thực hiện hợp đồng.
- Xác nhận các khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng và các khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng để trình Người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Thanh toán các chi phí phát sinh ngoài phạm vi công việc do lỗi của Bên A;
- Chuẩn bị nhân sự và phối hợp với Bên B trong việc đào tạo đội ngũ nhân viên quản lý và vận hành và bảo trì;
- Tổ chức nghiệm thu Bộ phận công trình hoặc giai đoạn xây dựng, chạy thử thiết bị liên động có tải (nếu có), hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng theo thoả thuận hợp đồng và theo quy định của nhà nước về nghiệm thu bàn giao công trình xây dựng hoàn thành.
- Đảm bảo cung cấp các thông số kỹ thuật đầu vào cho Bên B kịp thời, đúng tiến độ để Bên B hoàn thành công việc đảm bảo tiến độ yêu cầu;
- Ban hành danh mục các bước nghiệm thu, quy định thành phần tham gia nghiệm thu, biểu mẫu nghiệm thu, biểu mẫu hồ sơ khối lượng, hồ sơ thanh toán, hồ sơ quyết toán, kết cấu Hồ sơ hoàn thành công trình,.....
- Bên A có trách nhiệm cung cấp điểm đấu nối điện, nước đủ công suất tại ranh giới công trường. Trường hợp Bên A không thể cung cấp điểm đấu nối dẫn đến Bên B phải tự thu xếp từ nguồn khác, toàn bộ chi phí phát sinh tăng thêm sẽ do Bên A chi trả và được tính vào chi phí phát sinh ngoài hợp đồng.
- Thời hạn phê duyệt hồ sơ và vật tư: Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (Shop-drawing), biện pháp thi công hoặc hồ sơ trình mẫu vật tư, thiết bị hợp lệ từ Bên B, Bên A phải có văn bản phản hồi phê duyệt hoặc đưa ra các ý kiến chỉnh sửa (nếu có). Quá thời hạn nêu trên mà Bên A không có ý kiến bằng văn bản thì các hồ sơ, mẫu vật tư thiết bị đó mặc nhiên được xem là đã được Bên A chấp thuận để triển khai. Mọi sự chậm trễ trong việc phản hồi của Bên A dẫn đến ảnh hưởng tiến độ thi

công thì Bên B được tự động gia hạn tiến độ tổng thể tương ứng với số ngày chậm trễ và Bên A phải chịu các chi phí phát sinh (nếu có) do việc chậm trễ này gây ra."

5.2.2. Quyền hạn của Bên A:

- Giám sát việc thực hiện hợp đồng của Bên B từ việc cung ứng vật tư, thiết bị, xây dựng và lắp đặt, nghiệm thu.
- Được quyết định việc dừng, đình chỉ hoặc huỷ bỏ việc thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên B vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ hoặc theo thỏa thuận giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng khi xảy ra các trường hợp được quy định tại hợp đồng này;
- Từ chối hoặc tạm dừng việc thanh toán phần khối lượng công việc mà Bên B không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng;
- Từ chối nghiệm thu phần công việc đã hoàn thành hoặc phần công việc đã được làm lại hoặc sửa chữa mà không đạt chất lượng;
- Cử cán bộ giám sát tổ chức giám sát, kiểm tra chất lượng, xác nhận khối lượng công việc, nghiệm thu công việc hoàn thành theo hợp đồng và các khối lượng phát sinh (nếu có), ký các biên bản cho Bên B theo tiến độ thực tế của hợp đồng kịp thời khi có đề nghị của Bên B;
- Yêu cầu Bên B bàn giao các hồ sơ tài liệu liên quan đến sản phẩm của hợp đồng;
- Giám sát, quản lý nội dung công việc, tiến độ, chất lượng và xử lý kịp thời các đề xuất hợp lý của Bên B.

Điều 6. Nhân công lao động và nhân sự của Bên B

- 6.1. Bên B cam kết cung cấp đầy đủ nhân công lao động và nhân sự trong mọi thời điểm để đảm bảo việc thực hiện và hoàn thành công việc theo đúng các quy định của hợp đồng.
- 6.2. Tất cả nhân sự của Bên B phải có kinh nghiệm, trình độ phù hợp với công việc mà họ thực hiện. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với bất cứ phần công việc nào được thực hiện bởi nhân công lao động và nhân sự của Bên B.
- 6.3. Bên B phải cử cán bộ của mình ở công trường để chịu trách nhiệm về vấn đề an toàn, bảo vệ phòng ngừa tai nạn rủi ro cho tất cả nhân viên và nhân công lao động của Bên B. Cán bộ này phải có chứng chỉ về an toàn và có quyền đưa ra các chỉ thị và thực hiện các biện pháp bảo vệ để ngăn ngừa tai nạn.
- 6.4. Nếu có tai nạn xảy ra, Bên B phải báo cáo chi tiết ngay với Bên A trong thời gian sớm nhất, nhưng không chậm hơn 24 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn. Trong trường hợp xảy ra tai nạn nghiêm trọng hoặc chết người, thì Bên B phải thông báo ngay cho Bên A biết bằng các phương tiện sẵn có nhanh nhất.

Điều 7. Đại diện Bên A tại công trường

7.1. Nhiệm vụ của đại diện Bên A tại công trường:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền cử đại diện của mình thực hiện những công việc cần thiết liên quan tới hợp đồng như: giám sát, kiểm tra chất lượng công việc, xác nhận khối lượng công việc do Bên B thực hiện, thay mặt Bên A ký các loại biên bản liên

quan tới công việc, tiếp nhận các thông tin từ Bên B, kết hợp với đại diện của Bên B để kịp thời giải quyết những vướng mắc trong quá trình thi công, theo dõi ghi chép sổ nhật ký công trình.

- Đại diện Bên A tại công trường hoặc giám sát của bên A sẽ thực hiện công việc giám sát thi công theo các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của pháp luật hiện hành.

7.2. Quyền hạn của đại diện Bên A tại công trường:

- Ra vào tất cả các nơi trên công trường và các địa điểm lưu giữ nguyên vật liệu khác để kiểm tra nguyên vật liệu
- Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng (ở trên công trường, hay ở nơi khác), được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, tay nghề và kiểm tra tiến trình chế tạo thiết bị, sản xuất và gia công vật liệu.
- Yêu cầu Bên B thực hiện công việc đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, biện pháp thi công được duyệt.
- Xác nhận khối lượng và chất lượng công việc theo giai đoạn và toàn bộ công trình để làm cơ sở cho nghiệm thu, thanh toán.
- Có quyền không nghiệm thu, từ chối xác nhận khối lượng xây lắp, lý do từ chối phải thể hiện bằng văn bản, trong các trường hợp sau:
 - + Các khối lượng đã hoàn thành nhưng sử dụng các loại vật liệu theo kết quả thí nghiệm không đảm bảo Tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án hoặc không được Bên A phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng.
 - + Các khối lượng đã thực hiện không đúng thiết kế và không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Báo cáo những phát sinh trong quá trình thi công cho Bên A.
- Có quyền kiến nghị với Bên A đình chỉ từng phần hoặc toàn bộ công việc đang thi công khi phát hiện Bên B không tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, an toàn lao động.

Điều 8. Khởi công, thời gian hoàn thành

- 8.1. Tiến độ thực hiện: **24 tháng** kể từ ngày muộn nhất trong các mốc sau: (1) Bên B nhận được tiền tạm ứng, (2) Bên A bàn giao mặt bằng sạch, và (3) Hai bên ký biên bản bàn giao mốc giới hoặc lệnh khởi công."
- 8.2. Thời gian thi công đã bao gồm thời gian chuẩn bị công trường và ngày lễ, Tết, thứ bảy và chủ nhật.
- 8.3. Bên B làm việc với Bên A để thống nhất tiến độ cụ thể và thời gian hoàn thành theo tiến độ thi công thực tế công trường và phù hợp với tiến độ chung của dự án.
- 8.4. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng, Bên B có trách nhiệm trình Bên A phê duyệt bằng tiến độ thi công chi tiết từng phân đoạn/ biện pháp thi công/biểu đồ nhân lực.
- 8.5. Bên A có quyền xem xét việc đưa các nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung để thực hiện các công việc thi công khi Bên B chậm tiến độ ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của Dự án quá [30] ngày mà không do lỗi của Bên A hoặc Sự kiện Bất khả kháng, và sau khi Bên A đã có văn bản đôn đốc 02 lần (mỗi lần cách nhau ít nhất 07 ngày) nhưng Bên B không có biện pháp khắc phục hiệu quả.
- 8.6. Bên B được phép gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thay đổi thiết kế, điều chỉnh biện pháp thi công, thay đổi tiêu chuẩn kỹ thuật một phần hoặc toàn bộ, ảnh hưởng tới tiến độ theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.
- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng.
- Theo thông báo tạm dừng của Bên A.

Điều 9. Nghiệm thu và bàn giao hạng mục công trình/công trình

- 9.1. Sau khi hoàn thành mỗi phần công việc phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về việc hoàn thành này kèm theo hồ sơ nghiệm thu công việc, xây dựng, bộ phận hoặc giai đoạn xây dựng phù hợp với quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các văn bản pháp luật hiện hành khác về quản lý xây dựng. Sau khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A sẽ phải:
 - Tiến hành nghiệm thu, ký biên bản nghiệm thu cho phần công việc đã hoàn thành; hoặc
 - Thông báo cho Bên B không chấp thuận phần công việc nêu trên đồng thời yêu cầu Bên B chỉnh sửa. Bên B sau khi hoàn thành chỉnh sửa đáp ứng yêu cầu hợp đồng sẽ thông báo lại cho Bên A.
- 9.2. Trước 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hết thời hạn bảo hành công trình, Bên B sẽ thông báo cho Bên A việc hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình đồng thời kèm theo dự thảo chứng nhận hết nghĩa vụ bảo hành công trình. Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo trên, Bên A sẽ:
 - 9.2.1. Thông báo cho Bên B ý kiến của Bên A đối với dự thảo chứng nhận hết nghĩa vụ bảo hành công trình; Bên A và Bên B sẽ ký vào chứng nhận hết nghĩa vụ bảo hành khi thời hạn bảo hành công trình kết thúc.
 - 9.2.2. Thông báo cho Bên B không chấp thuận đề nghị trên và yêu cầu Bên B chỉnh sửa những phần chưa đáp ứng. Bên B sau khi hoàn thành việc chỉnh sửa đáp ứng yêu cầu của hợp đồng và thông báo Bên A.
- 9.3. Các bên tham gia nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác bao gồm: Bên A, giám sát của Bên A, Bên B, Nhà thầu phụ thi công (nếu có).
- 9.4. Bên B phải bàn giao cho Bên A đầy đủ 01 bộ gốc Hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (Riêng Bản vẽ hoàn công: 05 bộ).

Điều 10. Thiết bị, vật tư

- 10.1. Bên B đảm bảo cung cấp các thiết bị, vật tư phù hợp với tiến độ thi công, mới 100% như quy định trong hồ sơ thiết kế.
- 10.2. Vật tư đưa vào công trình phải đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng quy định trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và thi công; tài liệu yêu cầu kỹ thuật của Hợp Đồng và phải được Bên A chấp thuận.
- 10.3. Mẫu thép và các sản phẩm, vật liệu xây dựng; cấu kiện, kết cấu công trình xây dựng và các mẫu vật liệu khác (trong trường hợp Chủ Đầu Tư yêu cầu) phải được thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Quá trình thí nghiệm phải được chứng kiến và xác nhận của Giám sát bên A. Chi phí thí nghiệm vật liệu do Bên B chịu.

(Bên B không bị bắt buộc thí nghiệm với các kết cấu không chịu lực, tuy nhiên vẫn phải cấp

đầy đủ các chứng chỉ chứng minh nguồn gốc, chất lượng và trong trường hợp được yêu cầu, Bên B vẫn phải tiến hành thí nghiệm bình thường theo quy định chung).

- 10.4. Vật tư do Bên B đưa vào công trường phải có chứng chỉ chất lượng, xuất xứ và nguồn gốc rõ ràng theo yêu cầu và phải được sự chấp nhận của Bên A.
- 10.5. Thiết Bị Thi Công đưa vào Công Trường phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý; đảm bảo đã được kiểm định và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật, giấy tờ kiểm định còn hiệu lực sử dụng. Những Thiết Bị Thi Công không bảo đảm các yêu cầu trên và/hoặc những Thiết Bị Thi Công không cần thiết khác buộc phải di chuyển khỏi Công Trường ngay khi Chủ Đầu Tư, Bên A yêu cầu và chịu toàn bộ chi phí.
- 10.6. Bên B tổ chức cung cấp thiết bị, vật tư theo yêu cầu và tiến độ thực hiện hợp đồng.
- 10.7. Tất cả các hư hỏng mất mát trong quá trình vận chuyển thiết bị, vật tư không đến địa điểm quy định do gửi sai địa chỉ đều do Bên B chịu trách nhiệm.

Trường hợp Bên A phát hiện thiết bị, vật tư không phù hợp với điều kiện hợp đồng, Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B để Bên B xem xét kiểm tra và tìm biện pháp khắc phục. Bên B sau đó phải sửa chữa/thay thế bằng thiết bị, vật tư mới khác có sự phê duyệt, chấp thuận của Bên A. Nếu Bên A đã có yêu cầu thay đổi cho phù hợp mà Bên B không chấp hành và vẫn tiếp tục sử dụng thì Bên A có quyền không nghiệm thu.

Điều 11. Điều kiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán

- 11.1. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).
- 11.2. Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản.
- 11.3. Tạm ứng hợp đồng: **40%** giá trị hợp đồng sau VAT ngay sau khi Hợp đồng được ký kết. Giá trị tạm ứng sẽ được khấu trừ qua các đợt thanh toán và khấu trừ hết khi giá trị khối lượng hoàn thành đạt **80%** giá trị hợp đồng.
 - Hồ sơ tạm ứng bao gồm: Công văn đề nghị tạm ứng của bên B.
 - Thời gian tạm ứng: Trong vòng 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị tạm ứng của bên B.
- 11.4. Thanh toán: Hàng tháng.
 - Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến **93%** giá trị khối lượng hoàn thành được bên A nghiệm thu, **2%** Giá trị giữ lại thanh toán khi quyết toán, **5%** Giá trị giữ lại để bảo hành sẽ được bên A thanh toán cho Bên B sau khi hết hạn bảo hành hoặc Bên B phát hành Cam kết bảo hành cho bên A.
 - Hồ sơ thanh toán 04 bộ gồm: Bảng xác nhận giá trị thanh toán; hồ sơ chất lượng; bản vẽ hoàn công; văn bản đề nghị thanh toán; hoá đơn tài chính và hồ sơ tài liệu khác theo hướng dẫn của Bên A.
 - Trong vòng 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị thanh toán đầy đủ và hợp lệ theo quy định. Nếu có yêu cầu giải trình, bổ sung chứng từ, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B bằng văn bản nêu rõ các nội dung yêu cầu sửa chữa sai sót/ giải trình/ bổ sung chứng từ và Bên B có trách nhiệm phải đáp ứng trong thời hạn do Bên A ấn định. Thời gian Bên B giải trình, bổ sung chứng từ được cộng vào thời gian Bên A kiểm tra, xác nhận thanh toán cho Bên B.
 - Bên A có quyền tạm giữ lại phần khối lượng nào mà Bên A cho rằng Bên B chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ phù hợp theo quy định đã thống nhất giữa hai bên.

- Các khối lượng phát sinh trong từng giai đoạn (nếu có) sẽ được tạm ứng/thanh toán theo các quy định nêu trên.

11.5. Quyết toán

11.5.1. Bên nhận thầu sẽ trình cho Bên giao thầu 05 bộ hồ sơ Quyết toán (“**Hồ sơ Quyết toán**”) theo Biểu mẫu do Bên giao thầu ban hành chi tiết trong quá trình thực hiện hợp đồng, bao gồm và không giới hạn các tài liệu sau:

- (a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng toàn bộ công việc thuộc phạm vi công việc của Bên nhận thầu theo quy định của Hợp đồng này;
- (b) Hồ sơ quyết toán khối lượng, kèm theo các Bản tính chi tiết, phù hợp với Hồ sơ chất lượng, Bản vẽ hoàn công đã được Tư vấn kiểm tra, xác nhận;
- (c) Hồ sơ hoàn thành công trình (Hồ sơ chất lượng, Bản vẽ hoàn công, Tổng hợp Khối lượng Bản vẽ hoàn công, Nhật ký thi công,...);
- (d) Hồ sơ quyết toán giá trị hợp đồng, trong đó nêu rõ:
 - Giá trị quyết toán toàn bộ các công việc đã thực hiện.
 - Giá trị đã được Bên giao thầu tạm ứng, thanh toán.
 - Giá trị khoản tạm giữ bảo hành công trình.
 - Giá trị còn lại Bên nhận thầu còn được thanh toán.

11.5.2. Thời hạn quyết toán: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên B cung cấp đủ hồ sơ quyết toán. Thời gian phê duyệt quyết toán không vượt quá 60 ngày kể từ khi Bên B giao nộp đầy đủ Hồ sơ quyết toán cho Bên A.

11.5.3. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên A phê duyệt Hồ sơ quyết toán, Hai Bên xác định giá trị mà Bên B còn được thanh toán hoặc hoàn trả Bên A. Các bên có trách nhiệm thanh toán hoặc hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A phê duyệt Hồ sơ quyết toán.

11.6. Lãi chậm trả:

Trường hợp Bên A không thực hiện thanh toán tạm ứng, thanh toán theo đợt hoặc quyết toán đúng thời hạn quy định tại Điều [11.3, 11.4, 11.5] của Hợp đồng này, Bên A phải trả cho Bên B khoản lãi chậm trả được tính như sau:

- Số tiền tính lãi: Phần giá trị chưa được thanh toán đúng hạn; - Lãi suất áp dụng: Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) được niêm yết công khai tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán;

- Thời gian tính lãi: Bắt đầu từ ngày tiếp theo ngày hết hạn thanh toán theo Hợp đồng cho đến ngày Bên A thực hiện thanh toán đầy đủ cho Bên B.

Lãi chậm trả được tính độc lập và cộng dồn vào khoản thanh toán gốc. Bên B không cần thông báo trước mới có quyền áp dụng điều khoản này. Căn cứ pháp lý: Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Điều 12. Trách nhiệm đối với sai sót

12.1. Bên B phải giám sát, kiểm tra chất lượng và tiến độ công việc theo yêu cầu của hợp đồng. Tất cả những Tài liệu liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát này phải được Bên B lưu giữ và chuyển cho Bên A vào bất cứ thời điểm hợp lý nào khi có yêu cầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- 12.2. Bên A sẽ trực tiếp giám sát kiểm tra toàn bộ các hoạt động của Bên B. Bên B có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bên A, giám sát của Bên A trong toàn bộ quá trình thực hiện công việc.
- 12.3. Trong trường hợp Bên A phát hiện được lỗi, sai sót hay những hư hỏng của bất kỳ bộ phận nào theo yêu cầu của hợp đồng, Bên B phải:
- Ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A, cho dừng ngay thi công (nếu cần thiết) tại các vị trí có lỗi, sai sót, hư hỏng để tránh gây ra các lỗi tiếp theo;
 - Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về những lỗi, sai sót hay hư hỏng đó, đưa ra các biện pháp khắc phục, sửa chữa để Bên A xem xét chấp thuận và tiến hành khắc phục, sửa chữa những sai sót đó phù hợp với những yêu cầu của hợp đồng;
 - Tiến hành gia cố, bảo vệ những nơi có thể bị phá hủy hay ảnh hưởng bởi những lỗi, sai sót hay hư hỏng nặng gây ra;
- 12.4. Bên B tự chịu chi phí sửa chữa, khắc phục những lỗi, sai sót và hư hỏng do Bên B gây ra phù hợp với những yêu cầu của hợp đồng.

Điều 13. Bồi thường

- 13.1. Bên B chịu trách nhiệm và miễn trách nhiệm cho Bên A đối với tất cả các khiếu nại, tổn thất, thiệt hại, chi phí (bao gồm cả chi phí pháp lý) và trách nhiệm liên quan đến:
- Tổn thất hoặc thiệt hại đối với tài sản thuộc sở hữu, được thuê hoặc do Bên B/Nhà thầu phụ cung cấp liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.
 - Thương tật kể cả ốm đau hoặc chết đối với các nhân viên của Bên B và Nhà thầu phụ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.
 - Tổn thất về người (kể cả ốm đau hoặc chết) hoặc tổn thất, thiệt hại đối với tài sản của bên thứ ba do lỗi bất cẩn hoặc vi phạm trách nhiệm của Bên B/Nhà thầu phụ.
- 13.2. Bên A chịu trách nhiệm và miễn trách cho Bên B và Nhà thầu phụ đối với tất cả các khiếu nại, tổn thất, thiệt hại, chi phí (bao gồm cả chi phí pháp lý) và trách nhiệm liên quan đến:
- Tổn thất hoặc thiệt hại đối với tài sản của Bên A/Chủ đầu tư/Tư vấn của Bên A liên quan đến việc thực hiện hợp đồng tại công trường;
 - Thương tật kể cả ốm đau hoặc chết đối với các nhân viên của Bên A/Chủ đầu tư/Tư vấn của Bên A phát sinh từ hoặc liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.
 - Tổn thất về người (kể cả ốm đau hoặc chết) hoặc tổn thất, thiệt hại đối với tài sản của bên thứ ba do lỗi bất cẩn hoặc vi phạm trách nhiệm của Bên A

Điều 14. Phạt vi phạm hợp đồng

- 14.1. Vi phạm về tổng tiến độ: Để tránh hiểu lầm và đảm bảo sự rõ ràng, các Bên đồng ý rằng bất kỳ chậm trễ tiến độ nào của Bên nhận thầu nằm ngoài các trường hợp quy định tại Điều 7.2 của Hợp đồng này đều không được công nhận là việc quá hạn hợp lệ và khi đó Bên nhận thầu sẽ đồng ý vô điều kiện trả cho Bên giao thầu một khoản tiền phạt tương ứng tỷ lệ 0,05% giá trị Hợp đồng cho 01 (một) ngày chậm tiến độ và không vượt quá 12% giá trị Hợp đồng và các trách nhiệm liên đới như sau (Việc chậm tiến độ chỉ bị xem là vi phạm nếu ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ tổng thể của Dự án):
- Trường hợp Nhà thầu thi công chậm gây ra việc Bên giao thầu bị phạt vi phạm từ các

hợp đồng khác hoặc chịu tổn thất các chi phí khác có liên quan thì toàn bộ chi phí phát sinh này sẽ được trừ vào Hợp đồng thi công của Nhà thầu.

- Trường hợp Nhà thầu không có giải pháp và nỗ lực khắc phục việc chậm tiến độ nêu trên, sau khi có 2 lần văn bản cảnh báo tiến độ, Bên giao thầu có quyền thuê Nhà thầu khác vào thi công toàn bộ hoặc một phần khối lượng công việc còn lại. Khi đó toàn bộ chi phí phát sinh được trừ vào Hợp đồng thi công của Nhà thầu.

14.2. Vi phạm về tiến độ theo giai đoạn

- Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu tổng thời gian thi công chậm tiến độ lũy kế của các phân đoạn vượt quá 10 ngày, và Bên B không có biện pháp khắc phục hợp lý được Bên A chấp thuận, Bên A có quyền cắt giảm khối lượng thi công của Bên B, giao cho Nhà thầu khác thực hiện, và/hoặc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, áp dụng các hình thức phạt theo quy định tại Khoản 13.2 (a) của Điều này.

14.3. Vi phạm về chất lượng

- Nếu Bên B thi công không đúng hoặc không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công và tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật theo quy định, thì Bên B phải thực hiện việc thay thế hoặc sửa chữa/khắc phục và chịu mọi kinh phí cho việc thay thế/sửa chữa/khắc phục đó. Việc thay thế/sửa chữa/khắc phục được coi là hoàn thành sau khi được Bên A nghiệm thu và xác nhận bằng văn bản. Để làm rõ, việc thay thế/sửa chữa/khắc phục phải được thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý do Bên A ấn định. Trong trường hợp việc thay thế/sửa chữa/khắc phục làm tiến độ thực hiện Hợp Đồng bị chậm so với kế hoạch, Bên A có quyền áp dụng các hình thức phạt như nêu tại Khoản 13.1 của Điều này.
- Nếu Bên B không thay thế/sửa chữa/khắc phục hoặc cố tình trì hoãn hoặc thay thế/sửa chữa/khắc phục không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng, Bên A có thể tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu khác thực hiện tùy theo quyết định của Bên A, và Bên B sẽ phải chịu mọi chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc thay thế/sửa chữa/khắc phục, đồng thời phải chịu phạt do vi phạm về chất lượng, đồng thời phải bồi thường thiệt hại cho Bên A (nếu có).

14.4. Vi phạm Quy định, Nội quy công trường: Trong trường hợp Bên B và/hoặc người làm công, công nhân, chuyên gia, cán bộ, nhân viên, đại lý, khách mời của Bên B vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động xây dựng, bao gồm nhưng không giới hạn các quy định về An toàn lao động, Vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và an ninh trật tự trong quá trình thi công, Bên B sẽ phải chịu phạt vi phạm đối với từng hành vi vi phạm cụ thể và tùy theo mức độ vi phạm được quy định trong Nội quy của công trường và phù hợp với pháp luật tại từng thời điểm, đồng thời phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do các hành vi vi phạm đó gây ra cho các bên có liên quan.

14.5. Bên B phải bồi thường cho Bên A, người lao động của Bên A và những người liên quan khác đối với bất kỳ và toàn bộ các tổn thất, chi phí, thiệt hại, khiếu kiện, yêu cầu, vụ kiện, thủ tục tố tụng, khoản nợ và phí tổn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn chi phí pháp lý) mà Bên A, người lao động của Bên A và những người liên quan khác phải gánh chịu phát sinh từ bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp Đồng của Bên B.

14.6. Bên B cũng phải bồi hoàn cho Bên A những chi phí mà Bên A phải gánh chịu (nếu có) do:

- Bên B, người lao động của Bên B và những người liên quan khác của Bên B không có đầy đủ các giấy phép, chấp thuận, phê duyệt để thực hiện Hợp Đồng;

- Các thiệt hại về môi trường do Bên B gây ra khi thực hiện Hợp Đồng;
- Bên B không nộp hoặc nộp thiếu các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Bên B xâm phạm các quy định về sở hữu trí tuệ khi thực hiện Hợp Đồng.

Điều 15. Giám sát kỹ thuật và kiểm tra

- 15.1. Bên B và các Nhà thầu phụ phải thực hiện công tác giám sát kỹ thuật và kiểm tra theo yêu cầu của hợp đồng. Tất cả tài liệu sẽ được lưu giữ trong suốt quá trình thực hiện công việc, và là căn cứ cho sự chấp thuận/phê duyệt sau khi công việc hoàn thành.
- 15.2. Việc giám sát kỹ thuật, kiểm tra sẽ được tiến hành tại công trường hoặc tại nhà máy/trụ sở của Bên B hoặc Nhà thầu phụ với sự tham gia của đại diện Bên A tại công trường hoặc cơ quan giám định độc lập.
- 15.3. Bên A/đại diện Bên A tại công trường có quyền được vào công trường để tiến hành kiểm tra, giám sát công việc. Bên B tạo mọi điều kiện thuận lợi để giúp đỡ Bên A/đại diện Bên A tại công trường tiến hành công việc kiểm tra, giám sát này.
- 15.4. Bên A/đại diện Bên A tại công trường có quyền kiểm tra, giám sát các thiết bị, vật tư. Bên B có trách nhiệm cung cấp các giấy phép cần thiết để Bên A thực hiện công việc kiểm tra, giám sát này.
- 15.5. Trường hợp Bên A phát hiện thiết bị, vật tư không phù hợp với yêu cầu của hợp đồng, Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B để Bên B xem xét kiểm tra, khắc phục. Tất cả chi phí liên quan đến việc kiểm tra, giám sát lại các thiết bị, vật tư này sẽ do Bên B chịu.

Điều 16. Bảo hành

- 16.1. Bên B phải bảo hành công trình phù hợp với Luật xây dựng. Hạng mục công trình/công trình được bảo hành là toàn bộ hạng mục công trình/công trình mà Bên B có trách nhiệm thực hiện theo hợp đồng này.
- 16.2. Phương thức bảo hành:
 - Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Bên B phải thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian **24** tháng.
 - Giá trị bảo hành: 5% giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B chưa kiểm toán). Khoản tiền 5% này sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày làm việc sau khi kết thúc thời gian bảo hành công trình theo quy định hoặc kể từ ngày Bên B chuyển cho Bên A bản Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải thực hiện sửa chữa theo quy định tại Điều 9.2 cho đến khi hoàn tất việc sửa chữa và có văn bản xác nhận của Bên A về việc Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.
- 16.3. Trong thời hạn bảo hành, Bên A sẽ thông báo cho Bên B về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của Bên B gây ra và Bên B phải thực hiện việc bảo hành ngay sau nhận được thông báo sửa chữa của Bên A. Việc sửa chữa bảo hành cụ thể như sau:
 - Đối với các hạng mục thi công xây dựng: Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A hoặc Nhà thầu phải có đề xuất phương án xử lý được Bên A chấp thuận.
 - Đối với hệ thống thiết bị (Máy phát điện, Trạm biến áp, Trạm xử lý nước thải, thiết bị PCCC,

điều hòa, thông gió...): Nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật đến để kiểm tra những sự cố kỹ thuật trong thời hạn 24 giờ sau khi nhận được thông báo của Bên A. Nhà thầu phải tiến hành việc khắc phục, sửa chữa những sự cố kỹ thuật không do lỗi của Bên A bằng chi phí của Nhà thầu (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lỗi của bên thứ 3) trong vòng 24 giờ kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A. Với các lỗi lớn Nhà thầu phải có đề xuất phương án xử lý và thời gian xử lý được Bên A chấp thuận.

- Nếu quá thời hạn này mà Bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B và thông báo cho Bên B giá trị trên, Bên B phải chấp thuận giá trị trên mà không có khiếu nại.
- Nếu có khiếm khuyết, khuyết tật hoặc sai sót cần sửa chữa mà không thể thực hiện ngay tại công trường, thì Bên B có thể di dời hạng mục, máy móc thiết bị có khiếm khuyết, khuyết tật hoặc sai sót ra khỏi công trường để sửa chữa.

16.4. Chứng nhận hết nghĩa vụ bảo hành

- Trong vòng 28 (hai mươi tám) ngày trước ngày cuối cùng của thời hạn bảo hành công trình, Bên A và Bên B sẽ cùng tiến hành kiểm tra lần cuối công trình theo những quy định của hợp đồng. Bên B sẽ cử đại diện tham gia việc kiểm tra đó bằng chi phí của Bên B. Hai bên sẽ thống nhất ngày thực hiện kiểm tra.
- Ngay sau khi thời hạn bảo hành công trình hết hạn và trên cơ sở Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến khắc phục sửa chữa các lỗi, khiếm khuyết, khuyết tật, sai sót và những nghĩa vụ ràng buộc khác, với điều kiện không tồn tại vướng mắc gì, thì Bên A sẽ ký chứng nhận hết nghĩa vụ bảo hành.

16.5. Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành cho công trình trong các trường hợp sau:

- Các hư hỏng công trình, thiết bị trong thời hạn bảo hành không phải do lỗi của Bên B gây ra.
- Các bộ phận, hạng mục hoặc công trình bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc tháo dỡ do lỗi vi phạm của Bên A.

Điều 17. Bảo hiểm

17.1. Không làm giới hạn hoặc giảm bớt trách nhiệm, nghĩa vụ, cam kết của Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc/và trách nhiệm pháp lý của Bên B theo quy định của pháp luật, Bên B, bằng chi phí của mình, phải mua, duy trì hiệu lực các loại hình bảo hiểm dưới đây và chịu trách nhiệm giải quyết mọi sự cố bảo hiểm trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc Hợp Đồng này và trong thời gian gia hạn hay kéo dài thi công (nếu có), gồm có:

- Bảo hiểm bồi thường tai nạn người lao động theo quy định pháp luật cho toàn bộ chuyên gia, cán bộ, đại lý, người lao động, nhân viên của Bên B tham gia thực hiện Hợp Đồng;

- Bảo hiểm cho các máy móc, thiết bị thi công phục vụ cho việc thực hiện Hợp Đồng. Số tiền bảo hiểm phải đủ để đảm bảo việc thay thế các máy móc, thiết bị này bằng máy móc, thiết bị tương đương tại thời điểm xảy ra tổn thất bao gồm cả chi phí vận chuyển tới công trình;
 - Bên B có trách nhiệm liệt kê tên của Bên A với tư cách là người đồng được bảo hiểm trong các đơn bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại Điều 16.1.
- 17.2. Bất kỳ đơn bảo hiểm nào khác liên quan đến công việc tuân theo Hợp Đồng này mà Bên A không được liệt kê tên với tư cách là người đồng bảo hiểm cùng Bên B, thì sẽ phải bổ sung điều khoản từ bỏ thế quyền để từ bỏ bất kỳ quyền lợi được nêu rõ hay ngầm hiểu nào mà Bên B/Công ty bảo hiểm có thể được hưởng đối với Bên A.
- 17.3. Trong trường hợp Bên B sử dụng Nhà thầu phụ để thực hiện Hợp Đồng này, thì Bên B với tư cách là Nhà thầu chính có trách nhiệm đảm bảo rằng, bất kỳ Nhà thầu phụ nào, bằng chi phí của Nhà thầu phụ, cũng phải mua và duy trì các loại hình bảo hiểm tương tự như đã được quy định rõ tại Điều 16.1, và phải gửi cho Bên A bản sao hợp lệ các giấy tờ bảo hiểm chứng minh. Nhà thầu chính sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sự không đầy đủ nào trong phạm vi bảo hiểm của Nhà thầu phụ.
- 17.4. Trước khi đưa máy móc, thiết bị và nhân lực vào thi công, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều này cùng với chứng từ chứng minh đã thanh toán phí bảo hiểm.
- 17.5. Khi có bất kỳ sự cố xảy ra, Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản ngay lập tức cho Bên A thông tin chi tiết về sự cố và có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ, tuân thủ các yêu cầu của Công ty bảo hiểm và Bên A (nếu có). Bất kỳ tổn thất hay thiệt hại mà Bên A phải gánh chịu do lỗi của Bên B không thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu của Bên A và/hoặc Công ty bảo hiểm trong quá trình giải quyết sự cố, tổn thất thì Bên B sẽ phải thanh toán và Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị Hợp Đồng phải trả cho Bên B.
- 17.6. Không ảnh hưởng đến việc giải quyết các đơn bảo hiểm của Bên B hoặc/và của Bên A, khi có yêu cầu của Bên A, Bên B, bằng chi phí của mình có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế bất cứ tổn thất, thiệt hại nào gây ra bởi hoặc phát sinh từ việc thi công công trình của Bên B.
- 17.7. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà có thông báo từ Công ty bảo hiểm cho thấy Bên B phải chịu trách nhiệm về việc tăng phí bảo hiểm của Bên A, Bên B sẽ phải bồi hoàn cho Bên A số tiền phí bảo hiểm tăng thêm đó và Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị Hợp Đồng phải trả cho Bên B.
- 17.8. Những quy định về thu xếp bảo hiểm của Bên B nêu trên sẽ không làm giới hạn hoặc giảm bớt trách nhiệm, nghĩa vụ, cam kết của Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc/và trách nhiệm pháp lý của Bên B theo quy định của pháp luật. Bất kỳ tổn thất, chi phí, mức miễn thường bảo hiểm hay loại trừ bảo hiểm nào mà Bên A hay Bên thứ ba có liên quan phải gánh chịu gây ra bởi hoặc phát sinh từ việc thi công công trình của Bên B hoặc/và do Bên B vi phạm Hợp Đồng này thì Bên B phải thanh toán cho Bên A hoặc/và cho Bên thứ ba có liên quan. Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị Hợp Đồng phải trả cho Bên B, nếu chưa đủ thì Bên B phải thanh toán tiếp phần còn thiếu cho Bên A.
- 17.9. Hai bên đồng ý và thỏa thuận rằng, trong trường hợp có nhiều Nhà thầu tham gia thực hiện các hạng mục công trình thuộc Dự án mà phát sinh bất kỳ tổn thất, chi phí, mức miễn

thường bảo hiểm hay loại trừ bảo hiểm nào không được bồi thường hoặc không thể thu hồi theo Đơn bảo hiểm của Bên A, các Nhà thầu có liên quan sẽ phải chi trả theo mức trách nhiệm được phân định bởi Công ty bảo hiểm hoặc đơn vị giám định bảo hiểm.

- 17.10. Trong trường hợp không phân định được trách nhiệm giữa các bên liên quan, các Nhà thầu sẽ phải chia sẻ trách nhiệm theo tỉ lệ giữa giá trị Hợp Đồng thi công của Nhà thầu đó so với tổng giá trị các Hợp Đồng của các Nhà thầu liên đới và Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị Hợp Đồng phải trả cho các Nhà thầu.

Điều 18. Bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

18.1. Định nghĩa bất khả kháng

- a/ Bất khả kháng được áp dụng trong hợp đồng này là những sự kiện khách quan xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của các Bên Bao gồm những sự kiện và tình huống sau đây:
- Chiến tranh và các hành động thù nghịch khác (chiến tranh dù tuyên bố hay không tuyên bố), xâm lược, hành động ngoại xâm, tổng động viên, trưng dụng hoặc cấm vận;
 - Nổi loạn, binh biến, đảo chính hoặc nội chiến;
 - Dịch bệnh, sóng thần, lốc xoáy, lũ lụt, động đất, núi lửa phun, bão với cường độ cực mạnh.
 - Sự thay đổi chính sách, pháp luật của nhà nước trong quá trình thi công công trình.
 - Các sự kiện khách quan khác ngoài khả năng kiểm soát của các bên.
- b/ Hoàn cảnh thay đổi cơ bản là sự thay đổi khách quan mà tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được. Sự thay đổi này lớn đến mức nếu các bên biết trước thì đã không giao kết hợp đồng hoặc đã giao kết với nội dung hoàn toàn khác. Các trường hợp này bao gồm nhưng không giới hạn ở: sự biến động bất thường của giá nguyên nhiên vật liệu tăng trên [10%], thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước làm ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoặc phương án thi công của Bên B.
- 18.2. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng theo quy định tại Hợp đồng này, Bên bị ảnh hưởng có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất nhưng không trễ hơn ba (03) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng để Các Bên cùng bàn bạc và thống nhất cách giải quyết và khắc phục hậu quả. Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện nghĩa vụ thông báo trong thời hạn được quy định tại Điều này thì xem như không có sự kiện Bất khả kháng xảy ra.
- 18.3. Khi xảy ra trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, Bên B có quyền yêu cầu Bên A đàm phán lại giá hợp đồng và tiến độ thực hiện. Bên A có trách nhiệm xem xét và phản hồi trong vòng [07] ngày làm việc. Trong thời gian đàm phán, Bên B có quyền tạm dừng các phần việc bị ảnh hưởng trực tiếp mà không bị coi là vi phạm tiến độ.
- 18.4. Trong trường hợp Tiến độ hợp đồng bị chậm trễ hoặc ảnh hưởng tiêu cực bởi sự kiện Bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản, Các Bên cam kết hợp tác và phối hợp hiệu quả với nhau để thống nhất phương án giải quyết nhằm giảm thiểu tối đa sự chậm trễ Tiến độ hợp đồng.
- 18.5. Nếu các sự kiện Bất khả kháng kéo dài hơn chín mươi (90) ngày làm việc và một Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng của sự kiện Bất khả kháng đó thì Hợp đồng này sẽ được chấm dứt và các Bên được miễn trừ trách nhiệm và không Bên nào được quyền khiếu nại hoặc yêu cầu Bên kia bồi thường thiệt hại.
- 18.6. Ngoài các sự kiện bất khả kháng, nếu phát sinh hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của Bộ luật Dân sự làm cho việc tiếp tục thực hiện hợp đồng với các điều kiện hiện tại gây thiệt hại nghiêm trọng cho Bên B, Bên B có quyền yêu cầu điều chỉnh giá hợp đồng. Nếu sau [30] ngày kể từ ngày bắt đầu đàm phán mà không đạt được thỏa thuận, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại.

18.7. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng do sự kiện Bất khả kháng thì Các Bên sẽ thương lượng để thanh toán cho giá trị phần công việc đã thực hiện trên cơ sở Đơn giá chi tiết quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này, gồm:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc đã được thực hiện thuộc Phạm vi công việc được quy định tại Hợp đồng này mà đơn giá đã được Các Bên thống nhất trong Hợp đồng này;
- Chi phí Thiết bị vật tư được đặt hàng cho Công trình hoặc cho việc sử dụng có liên quan đến Công trình;
- Chi phí hợp lý để chuyển dời Máy móc, Thiết bị của Bên nhận thầu ra khỏi Công trường và gửi trả những Thiết bị đó về nơi sản xuất ở địa điểm của Bên nhận thầu hoặc tới nơi khác;
- Các chi phí hợp lý khác của Bên nhận thầu được Bên giao thầu đồng ý.

Điều 19. Báo cáo và hội họp

19.1. Bên B phải gửi cho Bên A báo cáo tình hình thực hiện công việc hàng tuần trước 11 giờ 30 ngày thứ Bảy. Báo cáo tình hình thực hiện công việc trong tuần trước tính đến 17 giờ 00 ngày thứ Sáu và các hoạt động sẽ được thực hiện trong tuần tới.

19.2. Bên B phải gửi báo cáo tháng cho Bên A chậm nhất vào ngày thứ ba của tháng tiếp theo. Báo cáo tháng của Bên B phải bao gồm các nội dung sau:

- Báo cáo tóm tắt tình trạng thực hiện công việc cùng các chi tiết hạng mục công việc được thực hiện, chỉ rõ tiến độ đã đạt được, các vấn đề khó khăn phát sinh (nếu có), các biện pháp và tình hình khắc phục;
- Các biểu đồ tiến độ cộng dồn hàng tháng, chỉ rõ việc hoàn thành thực tế so với kế hoạch đã lập ra, mô tả tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc đạt được;
- Tình hình thực hiện các hạng mục công việc cơ bản và quan trọng;
- Các báo cáo sự cố, an toàn;
- Báo cáo các khiếm khuyết chưa được khắc phục;
- Các thông tin cần thiết khác cho việc theo dõi quá trình thực hiện của Bên B.

Dựa trên các báo cáo tuần, hai bên sẽ tổ chức các cuộc họp hàng tuần và hàng tháng hay các cuộc họp đột xuất khác để lên kế hoạch, xem xét, đánh giá tiến độ và chất lượng công việc và các vấn đề khác có liên quan tại các thời điểm và địa điểm do hai bên quy định. Bên B sẽ ghi lại biên bản của mọi cuộc họp trừ khi Bên A có yêu cầu khác.

Điều 20. An toàn lao động, vệ sinh môi trường, điện nước và an ninh công trường

20.1. An toàn lao động

- Bên B phải lập các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận. Trường hợp các biện pháp an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thống nhất;
- Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn;
- Bên B, Bên A và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Người để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- Bên B phải có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động

cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;

- Bên B phải có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường;
- Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

20.2. Hệ thống chiếu sáng

Trong trường hợp công việc được tiến hành vào ban đêm, Bên B sẽ phải duy trì từ tối đến sáng đầy đủ hệ thống đèn chiếu sáng ngay tại hoặc xung quanh khu vực làm việc của Bên B hoặc khu vực mà Bên A cho là cần thiết đối với sự an toàn trong thi công, người lao động và đối với việc giám sát, kiểm tra các hoạt động thi công xây lắp đúng quy cách.

20.3. Hệ thống cống rãnh và vệ sinh

- Bên B, bằng chi phí của mình, chịu trách nhiệm lắp đặt, hoạt động và duy trì hệ thống cống rãnh và vệ sinh tại công trường. Bên B sẽ phải trang bị và đảm bảo vệ sinh trong khu vực mà các tất cả hoặc một phần công việc đang được tiến hành.
- Bên B phải tiến hành công việc phù hợp với các quy định hiện hành và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh. Chất lượng nước thải từ hệ thống xử lý nước thải tạm thời sẽ phải tuân thủ theo tiêu chuẩn hiện hành.

20.4. Phòng chống cháy nổ

- Bên B phải áp dụng tất cả các biện pháp phòng ngừa cần thiết đối với cháy nổ, trang bị và duy trì bằng chi phí của Bên B các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy lưu động hiện hành về phòng chống cháy nổ theo quy định.
- Trong trường hợp vụ cháy xảy ra trong khu vực hoạt động của Bên B, Bên B sẽ phải huy động mọi khả năng về nhân lực và trang thiết bị sẵn có của mình để dập tắt đám cháy bằng chi phí của mình.

20.5. Bảo vệ môi trường

- Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn và thu dọn hiện trường; nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Đối với những công trình xây dựng trong khu đô thị, phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;
- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;
- Bên B, Bên A phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Bên B không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên A, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường;
- Người để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

20.6. Điện, nước và an ninh công trường

Bên B phải chịu mọi chi phí về đầu nối, tiền điện, nước và an ninh công trường trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng

- 20.7. Các mức phạt vi phạm về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường được nêu chi tiết tại phụ lục 2 hợp đồng này.

Điều 21. Yêu cầu phát sinh và điều chỉnh giá hợp đồng

21.1. Yêu cầu phát sinh:

Phát sinh do yêu cầu của Chủ đầu tư:

Bên A có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ phát sinh, trình thẩm định phê duyệt theo quy định.

Phát sinh do việc kéo dài thời gian do lỗi của bên A (Chậm bàn giao mặt bằng thi công, chậm thanh toán,...). Bên B sẽ được chấp thuận các chi phí liên quan đến kéo dài thời gian thi công bao gồm: chi phí quản lý, chi phí chờ thiết bị, nhân công và các chi phí khác gây ra do việc kéo dài thời gian trên.

21.2. Điều chỉnh giá hợp đồng:

Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh khi:

Điều chỉnh khối lượng: Theo khối lượng thực tế nghiệm thu trên cơ sở Bản vẽ thi công được duyệt, các khối lượng bổ sung, điều chỉnh (nếu có) được duyệt trong quá trình thi công.

Điều chỉnh đơn giá hợp đồng:

- Thay đổi thiết kế, quy mô, công năng công trình theo yêu cầu của Bên A;
- Biến động giá vật tư, vật liệu theo quy định của Nhà nước;
- Thay đổi phạm vi công việc;
- Các trường hợp bất khả kháng hoặc thay đổi chính sách pháp luật

Điều 22. Chấm dứt hợp đồng

22.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng nếu Bên B có các hành vi vi phạm sau:

- Không khắc phục ngay các vi phạm Hợp đồng trong khoảng thời gian hợp lý do Bên A ấn định;
- Bỏ dở công việc hoặc ngừng thực hiện công việc tới 30 ngày mà không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng.
- Không hoàn thành công việc theo tiến độ quy định mà không có lý do chính đáng và không được Bên A chấp thuận bằng văn bản.
- Chuyển nhượng toàn bộ hợp đồng cho bên thứ ba hoặc sử dụng thầu phụ không đáp ứng năng lực kỹ thuật theo quy định tại Mục 5.1.2 sau khi đã được Bên A nhắc nhở bằng văn bản mà không khắc phục.
- Không mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam và không khắc phục vi phạm này trong vòng 10 ngày sau khi nhận được yêu cầu của Bên A.
- Vi phạm hoặc không thực hiện các trách nhiệm của Bên B tại Điều 5.1 theo Hợp Đồng này và vẫn tiếp tục vi phạm hoặc không thực hiện kể từ ngày Bên A gửi thông báo.
- Nhà thầu phụ, tổ đội, nhân sự khác do Bên B giao việc có hành vi vi phạm an ninh trật tự.
- Bị phá sản hoặc giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tạm ngừng hoạt động.

22.2. Khi xảy ra một trong những trường hợp nêu trên, Hợp Đồng sẽ chính thức chấm dứt sau khi Bên A gửi Thông báo chấm dứt Hợp Đồng trước 07(bảy) ngày cho Bên B.

22.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều này, Bên A có quyền

thu hồi toàn bộ số tiền đã tạm ứng, các khoản thanh toán khác (nếu có) và yêu cầu Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế gây ra (nếu có) cho Bên A do việc vi phạm Hợp Đồng của Bên B.

22.4. Bên A cũng có quyền chấm dứt Hợp Đồng vào bất cứ lúc nào theo quyết định của Bên A, bằng cách thông báo cho Bên B về việc chấm dứt Hợp Đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực vào 30 ngày sau khi Bên B nhận được thông báo của Bên A.

22.5. Các điều khoản chung:

- Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.
- Trước khi một bên chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 (ba mươi) ngày và trong đó phải nêu rõ lý do chấm dứt hợp đồng. Nếu bên chấm dứt hợp đồng không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.
- Hợp đồng không còn hiệu lực kể từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng. Ngoài thời gian này nếu một bên không làm các thủ tục thanh lý hợp đồng thì bên kia được toàn quyền quyết định việc thanh lý hợp đồng.

Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng, Bên B phải:

- Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên A hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn công trình;
- Chuyển giao toàn bộ tài liệu của Bên B, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên B đã được thanh toán cho Bên A;
- Di chuyển vật tư, nhân lực, máy móc, thiết bị và các tài sản khác thuộc sở hữu của mình ra khỏi công trường, ngoại trừ các thứ mà Bên A giữ lại để phục vụ cho việc triển khai thi công tiếp tục để hoàn thành công trình, nếu sau khoảng thời gian này Bên B chưa thực hiện việc di chuyển thì Bên A có quyền xử lý đối với các tài sản này.
- Phải dọn dẹp công trường và tiến hành bàn giao mặt bằng công trình lại cho Bên A và Bên B không được phá hủy các hạng mục công trình vĩnh cửu đã hoàn thành.

Điều 23. Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu
- Bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành: Không yêu cầu.

Điều 24. Hiệu lực và giá trị pháp lý

- Ngày có hiệu lực của hợp đồng là ngày hai bên ký hợp đồng.
- Nếu có sự mâu thuẫn của bất cứ điều khoản nào quy định trong hợp đồng so với luật pháp hiện hành thì hai bên sẽ đàm phán để thống nhất lại các quy định trên.
- Việc thanh lý hợp đồng được hoàn tất trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày các bên hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 25. Tài liệu của hợp đồng

25.1. Hợp đồng sẽ được diễn giải và tuân thủ theo pháp luật của Việt Nam.

25.2. Các tài liệu tạo thành các phần của hợp đồng sẽ được sử dụng như là phần giải thích lẫn nhau giữa phần nọ và phần kia, nhưng trong trường hợp không rõ ràng hay có sự khác biệt, hai bên sẽ thống nhất giải thích, hiệu chỉnh ngay sau đó và sẽ đưa ra bản hướng dẫn chỉ rõ phương cách mà công việc sẽ được thực hiện.

25.3. Thứ tự ưu tiên các tài liệu của hợp đồng. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa các tài liệu

của hợp đồng, kể cả các sửa đổi và bổ sung vào các phần có liên quan, được thực hiện ưu tiên theo trình tự sau:

- a. Các điều khoản của hợp đồng.
- b. Các phụ lục của hợp đồng.
- c. Thư báo giá.
- d. Các thoả thuận khác bằng văn bản có liên quan.
- e. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.
- f. Tiêu chuẩn kỹ thuật của Dự án.

Điều 26. Điều khoản chung

- 26.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản được ký xác nhận bởi đại diện có thẩm quyền của Các Bên.
- 26.2. Mọi tài liệu, văn bản trao đổi và phát hành chính thức giữa Các Bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ là những bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
- 26.3. Các phụ lục của Hợp đồng sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng và chịu sự điều chỉnh của các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng.
- 26.4. Không bên nào được quyền chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của các bên còn lại
- 26.5. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng bị vô hiệu do vi phạm pháp luật hoặc không thể thi hành được vì bất kỳ lý do nào, thì các điều khoản khác sẽ không bị ảnh hưởng và giữ nguyên hiệu lực. Các bên sẽ cùng nhau sửa đổi các điều khoản vô hiệu để trở nên có hiệu lực
- 26.6. Hợp đồng này được đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên ký và đóng dấu xác nhận của từng Bên thành bốn (06) bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau, Bên giao thầu giữ hai (03) bản, Bên nhận thầu giữ hai (03) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

